

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Heavy

NORDIC S3S

Ủn g **da an toàn lót** ấm **có khóa kéo**

Giày bảo h ộ **da** **SRC** **có khóa** kéo. Chúng m **nặng** bảo v ệ i khả ộ ợ ố ợ **SR**, **mũi giày composite**, ệ t l ạnh và chất l iệu **SJ Flex**.

Những vật liệu cao cấp hơn	Da chống mài mòn, Da nguyên tấm
lót bên trong	CỰC
trong Đ ấm lót chân bọt Sa đông x	
iữa đế g ệt chống thủng	
ngoài Đ	PU/TPU
u Đứng đầ ống hợp t	
i Loạ	S3S / SR, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0 JPN 21.5-31 / KOR 230-310
ng lượng t thép	0.794 kg
ẩn hiệu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



217

CO₂ 14.20 kg



Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách [illegible] **(CI)** tôi **chúng** trong môi
a bạ được mặc trong [illegible]



lót ấm
Giữ cho đôi chân áp và khô ráo trong môi
[illegible]



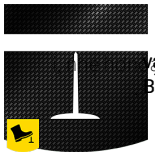
S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi ẩm cao và có bọn. Những đôi giày này cũng bảo vệ chống nguy hiểm đế và nghiền nát bàn chân.



SRC
Được là [illegible] trong những tính năng an toàn và giày bảo hộ [illegible] qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Mũi giày an toàn composite
Không [illegible] kim [illegible] và nhiệt, [illegible] nhiệt hoặc dẫn điện



SJ Flex
Vật liệu chống đâm thủng không và [illegible] kim thép. Vật liệu không [illegible] 100% chống [illegible] bề mặt củ

Công nghiệp n:

lĩnh vự c ô tô, Hoá h ọạcb , Xây dựcần g,Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

rư ờn g môi t rạnhờn, môi khô, môi ùn, Có t u yế t và băng giá, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi ẩm ư ớt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẩ cách hàn nhiệ Không trên lò s

K

Sự miêu t ả	ết ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
Những vật l iệu **Da** ch ố n g **mài mòn, Da nguyên** t ấm **cao** cấp h ơn				
Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	2.6	ời	mg/cm/g
Top: h ệ số ớ	? 15	25.8		mg/cm2
ót bên trong CỰC				
L ớp lót: ấm ớ	? 2	34.5	ời	mg/cm/g
lót: h ệ số ớ	? 20	276.9		mg/cm2
rong Đ ấm **lót chân mùa Đông** x				
ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800		chu kỳ
goài Đ **PU/TPU**				
Ch ố i ảm g mài mòn ế ngoài (	? 150	41.8		mm
a đế ngoài SRA- gót chân	? 0.28	0.34		ma sát
a đế ngoài SRA- Phầ t g	? 0.32	0.41		ma sát
a đế ngoài SRB- gót chân	? 0.13	0.13		ma sát
ộc đế ngoài SRB- phầ n g	? 0.18	0.18		ma sát
ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	122		megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A		megaohm
Hấp thụ năng l ượ g gót chân ủ	? 20	33		J
Đ ướ n g đầ tợp				
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A		mm
Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A		mm
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.0		mm
Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	15.5		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khiếu có l ế thuyết và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

Sự miêu t ả	ết ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
i **CO2 phát** thả				
V ật l iệu		11.91		kg
Bao bì		0.13		kg
ất Sản x u		1.90		kg
Chuyên ch ở		0.26		kg
		14.20 kg CO2/ cặp		

Sự miêu t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
Product		0%	
Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng cách công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.